

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ HIẾU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 20 /NQ-HĐND

Hiếu Giang, ngày 28 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua “Đề án nâng cao hiệu quả sản xuất một số sản phẩm nông nghiệp có thể mạnh của địa phương giai đoạn 2026-2030, định hướng đến 2035”

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ HIẾU GIANG
KHÓA II, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 năm 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Đảng bộ Xã Hiếu Giang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Kết luận số 26-KL/ĐU ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Đảng ủy xã Hiếu Giang về Hội nghị lần thứ Chín Ban Chấp hành Đảng bộ xã khoá I về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, công tác xây dựng Đảng và xây dựng hệ thống chính trị năm 2025; Phương hướng, nhiệm vụ năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của HĐND xã Hiếu Giang về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2026;

Xét Tờ trình số 91/TTr-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2026 của UBND xã về việc thông qua “Đề án nâng cao hiệu quả sản xuất một số sản phẩm nông nghiệp có thể mạnh của địa phương giai đoạn 2026-2030, định hướng đến 2035”; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã và ý kiến của đại biểu HĐND xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua “Đề án nâng cao hiệu quả sản xuất một số sản phẩm nông nghiệp có thể mạnh của địa phương giai đoạn 2026-2030, định hướng đến 2035” với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung: Nâng cao hiệu quả sản xuất các sản phẩm nông nghiệp có thể mạnh; đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và liên kết chuỗi giá trị; nâng cao thu nhập cho người dân; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới hiện đại trên địa bàn xã. 

1.2. Mục tiêu cụ thể:



a) Chỉ tiêu về tăng trưởng và nâng cao giá trị sản xuất:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản phẩm ngành nông nghiệp trên địa bàn bình quân hàng năm đạt 7,5%.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp; giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích tăng từ 1 đến 1,5 lần so với năm 2025.

- Tỷ lệ sản phẩm nông nghiệp chủ lực (lúa, cây ăn quả...) được sản xuất theo các tiêu chuẩn chất lượng tiên tiến như VietGAP, hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 25% tổng sản phẩm nông nghiệp của địa phương.

b) Chỉ tiêu đối với các cây, con có thế mạnh:

- Đối với sản xuất lúa

+ Duy trì ổn định diện tích sản xuất lúa 2 vụ từ 2.450 ha đến 2.500 ha.

+ Sản lượng lương thực có hạt hàng năm đạt từ 13.500 tấn đến 14.000 tấn.

+ Mở rộng diện tích và quy mô sản xuất lúa hữu cơ, lúa chất lượng cao gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm; sản lượng lúa hữu cơ và lúa liên kết bao tiêu đạt từ 4.000 tấn đến 5.000 tấn.

+ Xây dựng thành công thương hiệu gạo chất lượng cao Hiếu Giang; từng bước hình thành chuỗi sản xuất, chế biến và tiêu thụ bền vững.

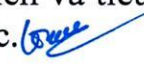
- Đối với cây ăn quả: Duy trì và phát triển ổn định diện tích cây ăn quả khoảng 140-150 ha; từng bước hình thành các vùng sản xuất tập trung, ứng dụng khoa học công nghệ, sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, có mã số vùng trồng và liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Đối với lâm nghiệp: Phát triển rừng sản xuất theo hướng bền vững; phấn đấu đến năm 2030 diện tích rừng gỗ lớn và diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC hoặc tương đương) đạt từ 20% trở lên tổng diện tích rừng trồng sản xuất.

- Đối với cây cao su: Tiếp tục ổn định 1.253,4ha diện tích cao su hiện có; nâng cao hiệu quả khai thác và chất lượng vườn cây. Rà soát các diện tích cao su già cỗi, năng suất thấp hoặc thường xuyên bị thiệt hại do thiên tai để có xây dựng phương án tái sản xuất.

- Đối với chăn nuôi: Phấn đấu đến năm 2030, tỷ trọng ngành chăn nuôi chiếm từ 20-25% trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp. Phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm; ưu tiên phát triển chăn nuôi lợn theo mô hình trang trại, gia trại tuần hoàn, chăn nuôi gia cầm theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung tại các vùng phù hợp với quy hoạch.

c) Chỉ tiêu về đổi mới tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn:

- Xây dựng từ 04 đến 05 mô hình liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực. 

th

- Hình thành các vùng trang trại tập trung ngoài khu dân cư; phân đầu mỗi thôn có ít nhất một khu vực phát triển kinh tế trang trại với quy mô phù hợp điều kiện thực tiễn.

- Phát triển mới từ 05 đến 10 trang trại đạt tiêu chí theo quy định; xây dựng ít nhất 01 mô hình hợp tác xã hoặc tổ hợp tác liên kết phát triển kinh tế trang trại hoạt động hiệu quả.

- Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp; phát huy vai trò là trung tâm liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho người dân.

- Phát triển thêm từ 03 đến 05 sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên; ưu tiên các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh như gạo chất lượng cao, sản phẩm chăn nuôi, cây ăn quả và các sản phẩm chế biến từ nông, lâm sản địa phương.

d) Chỉ tiêu về kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất:

- Hoàn thiện cơ bản hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng và công tác dồn điền đổi thửa phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Phân đầu 50% diện tích vùng sản xuất tập trung, vùng trang trại có hệ thống đường giao thông, điện đảm bảo sản xuất.

- Phân đầu 35% diện tích vùng tập trung sản xuất cây trồng cận chủ động tưới tiêu, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và thích ứng với biến đổi khí hậu.

1.3. Định hướng đến năm 2035

- Tiếp tục phát triển nền nông nghiệp sinh thái, hiện đại, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, nông nghiệp tuần hoàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa gắn với chuỗi giá trị và thị trường.

- Duy trì ổn định vùng sản xuất lúa chất lượng cao, mở rộng diện tích lúa hữu cơ, nâng cao tỷ lệ sản phẩm được chứng nhận VietGAP, hữu cơ, có mã số vùng trồng và truy xuất nguồn gốc.

- Phát triển vùng cao su theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, tái canh diện tích già cỗi, đẩy mạnh liên kết chế biến và tiêu thụ, nâng cao giá trị trên đơn vị diện tích.

- Tiếp tục mở rộng diện tích rừng gỗ lớn, nâng tỷ lệ rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững; phát triển kinh tế dưới tán rừng theo hướng đa giá trị.

- Hình thành các vùng cây ăn quả tập trung, phát triển các sản phẩm OCOP, xây dựng thương hiệu nông sản Hiếu Giang gắn với chuyển đổi số và thương mại điện tử.

- Phát triển chăn nuôi tập trung theo hướng an toàn sinh học, kinh tế tuần hoàn; nâng cao tỷ trọng chăn nuôi trong cơ cấu nội ngành nông nghiệp.

- Thu hút doanh nghiệp đầu tư chế biến nông sản, hình thành các chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ bền vững; nâng cao thu nhập của người dân nông thôn và xây dựng nền nông nghiệp phát triển xanh, bền vững.

th

2. Kinh phí

Tổng nhu cầu kinh phí để thực hiện đề án: **216,55 tỷ đồng** (Hai trăm mười sáu tỷ, năm trăm năm mươi triệu đồng), trong đó cụ thể:

- Nhà nước tỉnh và trung ương: 94,05 tỷ đồng, chiếm 43,43%
- Ngân sách xã: 15 tỷ đồng, chiếm 6,93%
- Nguồn đối ứng của các Doanh nghiệp, các tổ chức chủ trì liên kết và người dân: 107,5 tỷ đồng chiếm 49,64%.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết; triển khai thực hiện đúng Luật Đầu tư công và các quy định liên quan; Phân bổ chi tiết dự án, nhiệm vụ kế hoạch đầu tư công năm 2026 khi đủ điều kiện và báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất; chủ động cân đối, lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện có hiệu quả nhằm hoàn thành kế hoạch được giao.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Khóa II, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 28 tháng 7 năm 2026 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Thường trực Đảng ủy (báo cáo),
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ban thường trực UBMTTQVN xã;
- Các Phòng chuyên môn thuộc UBND xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Văn phòng HĐND và UBND xã;
- Lưu: VT, VP.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**


Hoàng Quang Thắng